

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2021/DS-PT

Ngày: 16-4-2021

V/v tranh chấp: “Yêu cầu chia thừa  
kế theo di chúc, yêu cầu tuyên bố di  
chức vô hiệu, chia thừa kế theo quy  
định pháp luật và chia tài sản chung  
của hộ gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Em

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Ông Nguyễn Thanh Triều

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét  
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2021/TLPT-DS ngày 20 tháng 01  
năm 2021 về tranh chấp “Yêu cầu chia thừa kế theo di chúc, yêu cầu tuyên bố di  
chức vô hiệu, chia thừa kế theo quy định pháp luật và chia tài sản chung của hộ  
gia đình”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 211/2020/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2020  
của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2021/QĐ-PT ngày  
05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 23, ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Võ Trọng K,  
thuộc văn phòng luật sư Võ Trọng K, đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có  
mặt).

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 448, tổ 22, khu M, thị trấn C, huyện C, Tiền Giang.

*Đại diện theo uỷ Q:* Anh Ngô Quý D, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Số 108/4 Trịnh Hoài Đ, phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản uỷ Q ngày 18/12/2019)

*- Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Địa chỉ: 127/2/A đường số H, Khóm N, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 11, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp của bà Phượng:* Luật sư Võ Trọng K, thuộc văn phòng luật sư Võ Trọng K, đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 331/B tổ 17, Khu H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Ông Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1961 (chết năm 2020)

*Người kế thừa Q và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Ngọc T:*

4.1. Anh Nguyễn Việt T, sinh năm 1981 (vắng mặt).

4.2. Anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1983 (vắng mặt).

4.3. Anh Nguyễn Phạm Ngọc L, sinh năm 1998 (vắng mặt).

4.4. Bà Phạm Thị Thu V, sinh năm 1963 (có văn bản vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 488, tổ 22, Khu 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1955 (chết năm 2012).

*Người thừa kế Q và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn Năm:*

5.1. Chị Nguyễn Dương Đ, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 20 Nguyễn Văn N, phường T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Dương Thị M, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 20 Nguyễn Văn N, phường T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

5.2. Chị Nguyễn Lê Huỳnh N, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 413, tổ 21, Khu 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1945 (chết năm 1988).

*Người thừa kế Q và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Gia:*

Chị Nguyễn Thị Giáng L, sinh năm 1987 (có văn bản vắng mặt).

Địa chỉ: Số 133 Bà T, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

7. Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1971 (vắng mặt).
8. Chị Nguyễn Thuỵ Huyền T, sinh năm 1991 (vắng mặt).
9. Chị Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1976 (vắng mặt).
10. Anh Nguyễn Ngọc Phúc S, sinh năm 2001 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 488, tổ 22, Khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

11. Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện theo pháp luật:* Ông Võ Thành Đ – Chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm;*

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Cha mẹ của bà L là cụ Nguyễn Thị C chết năm 1965, cụ Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1926 (chết năm 2016), hai cụ có 08 người con tên Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1958, Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1965, Nguyễn Thị T, sinh năm 1950, Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1959, Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1963, Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1962, Nguyễn Văn N, sinh năm 1955 (chết năm 2012) và Nguyễn Văn G, sinh năm 1945 (chết năm 1988). Trước khi cụ Đ chết có để lại tài sản là phần đất thừa số 3741, tờ bản đồ số TTC1, diện tích 2.349,8m<sup>2</sup> tọa lạc Khu 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp ngày 06/02/2013 cho cụ Nguyễn Văn Đ đại diện hộ gia đình đứng tên, trước khi chết cụ Đ có để lại di chúc do UBND thị trấn C chứng thực ngày 28/6/2012 và có Biên bản công bố di chúc của UBND thị trấn C ngày 02/3/2017 sau khi công bố di chúc tất cả các anh chị em trong gia đình đều đồng ý với di chúc do cụ Đ lập, riêng ông Nguyễn Ngọc Q lúc đầu đồng ý nhưng sau đó không đồng ý chia theo di chúc. Nay bà L yêu cầu công nhận di chúc của cụ Nguyễn Văn Đ lập ngày 28/6/2012 đã được UBND thị trấn C chứng thực là hợp pháp và yêu cầu chia thừa kế theo di chúc cụ thể chia cho Nguyễn Ngọc Q phần đất có diện tích 400m<sup>2</sup> và căn nhà trên đất tọa lạc Khu 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, phần đất còn lại ở thửa đất số 3741 bà L yêu cầu được đại diện bà Thu và bà Phượng để đứng tên Q sử dụng đất và được Q liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký sang tên và yêu cầu ông Nguyễn Ngọc Q tháo dỡ, di dời hàng rào lưới B40 cao 02m, dài 63,4m, diện tích 126,8m<sup>2</sup> và các trụ đá trên phần diện tích đất chia cho bà Nguyễn Thị Kim L 1.964,3m<sup>2</sup> và yêu cầu những người kế thừa Q và nghĩa vụ tố tụng ông T2 phải tháo dỡ di dời căn nhà kết cấu cột kèo gỗ tạp, nền gạch tàu, vách ván, mái lợp tole, diện tích 56,1m<sup>2</sup> ra khỏi phần đất được chia. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Q và yêu cầu độc lập của người có Q lợi nghĩa vụ liên quan chị Đ, bà L không đồng ý.

*Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q trình bày:*

Vào năm 1990 ông Nguyễn Ngọc Q cưới vợ bà Nguyễn Thị Kim T sau khi cưới vợ chồng về sống chung nhà với cụ Nguyễn Văn Đ và cháu Nguyễn Thị Kim Q, Nguyễn Thụy Huyền T, lúc này các anh chị em của ông Q đều có gia đình và ra ở riêng. Đến năm 1999 thì hộ của cụ Đ được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất đối với thửa đất số 1190 diện tích 562m<sup>2</sup> và thửa đất số 1537 diện tích 2.449m<sup>2</sup> đất tọa lạc khu 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, vào tháng 01/2013 phần đất phía sau của ông T và bà V không có lối đi nên ông Đ cho một phần đất có diện tích 190m<sup>2</sup> được tách ra từ thửa đất số 1537 và cả gia đình 05 người thành viên trong hộ đều ký tên chuyển nhượng cho bà V, phần đất còn lại được chuyển đổi thửa 1537 thành 3741 diện tích còn lại 2.349,8m<sup>2</sup> và thửa 1190. Năm 2016 do cụ Đ bệnh nên tất cả anh chị em trong gia đình cụ Đ thống nhất bán thửa 1190 để điều trị bệnh. Đến năm 2016 sau khi cụ Đ chết thì mới biết cụ có để lại di chúc và tiến hành mở di chúc và ông Q không đồng ý di chúc vì theo nguyện vọng của cụ Đ là để lại toàn bộ phần đất còn lại để làm đất hương hỏa. Nay ông Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L. Ông Q có yêu cầu phản tố yêu cầu tuyên vô hiệu một phần di chúc của cụ Đ lập ngày 28/6/2012 về việc chia di sản của cụ Đ để lại cho bà L, bà T và bà P.

Nay ông Q yêu cầu công nhận phần di chúc chia cho ông Q căn nhà, đối với phần diện tích đất của cụ Đ để lại ông yêu cầu chia cho các thành viên trong hộ gia đình, sau đó tiếp tục chia phần đất của cụ Đ về thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế 08 người con của cụ Đ, yêu cầu nguyên đơn bà L giao trả lại giấy chứng nhận Q sử dụng đất của cụ Đ cho ông Q.

*Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị M là người đại diện theo pháp luật của chị Nguyễn Dương Đ trình bày trình bày:*

Thống nhất với quan hệ gia đình như bà L và ông Q trình bày, chị Đ là con của ông Nguyễn Văn N (đã chết năm 2012), theo yêu cầu của các bên thì chị Đ không đồng ý, chị Đ yêu cầu không công nhận di chúc của cụ Đ và có yêu cầu được chia thừa kế theo quy định pháp luật, chị Đ được nhận kỷ phần bằng hiện vật.

*Người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim P, anh Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Ngọc T2 và chị Nguyễn Thị Giáng L là con duy nhất của ông Nguyễn Văn Gia (chết năm 1998) thống nhất về quan hệ gia đình như lời trình bày của bà L và ông Q, yêu cầu công nhận di chúc và chia thừa kế theo di chúc, giao phần diện tích đất còn lại sau khi chia cho ông Q 400m<sup>2</sup> để cho bà L đứng tên Q sử dụng đất.*

*Người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim T, chị Nguyễn Thị Kim Q, chị Nguyễn Thụy Huyền T thống nhất về quan hệ gia đình như lời trình bày của bà L và ông Q, yêu cầu vô hiệu di chúc của cụ Đ ngày 28/6/2012, yêu cầu chia theo pháp luật cho các thành viên hộ gia đình, sau đó tiếp tục chia phần đất của cụ Đ về thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế 08 người con của cụ Đ.*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 211/2020/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Điều 102, 627, 628, 630, 650 Bộ luật dân sự; Điều 227, Điều 228, 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án; Điều 2 Luật người cao tuổi, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L.

Công nhận di chúc do cụ Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1926 lập được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang chứng thực số 05 quyền số 01 ngày 28/6/2012 là hợp pháp.

Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1926 là Q sử dụng đất diện tích  $2.349,8m^2$  (diện tích theo đo đạc thực tế  $2.364,3m^2$ ) thửa số 3741, tờ bản đồ số TTC1 tọa lạc tại khu 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 06/02/2013 do cụ Nguyễn Văn Đ đứng tên Q sử dụng đất.

Chia cho ông Nguyễn Ngọc Q phần diện tích đất  $400m^2$  trong thửa số 3741, tờ bản đồ số TTC1, diện tích  $2.349,8m^2$  tọa lạc tại khu 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 06/02/2013 do cụ Nguyễn Văn Đ đứng tên Q sử dụng đất có ký hiệu trong sơ đồ là T-03 + T-04 + T-05 của Công ty TNHH đo đạc Đông Hải ngày 18/10/2018 và căn nhà trên phần đất có kết cấu móng cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch ceramic, kèo đòn tay gỗ tạp, trần laphon, mái lợp tole diện tích  $107,8m^2$ .

Phần đất chia cho ông Nguyễn Ngọc Q có tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp phần đất còn lại chia cho bà Nguyễn Thị Kim L.
- + Hướng Tây giáp phần đất còn lại chia cho bà Nguyễn Thị Kim L.
- + Hướng Nam giáp phần đất bà Phạm Thị Thu V.
- + Hướng Bắc giáp với đường bê tông.

Chia cho bà Nguyễn Thị Kim L phần diện tích đất  $1.964,3m^2$  trong thửa số 3741, tờ bản đồ số TTC1, diện tích  $2.349,8m^2$  tọa lạc tại khu 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 06/02/2013 do cụ Nguyễn Văn Đ đứng tên Q sử dụng đất có ký hiệu trong sơ đồ là T-01 + T-02 + T-06 + T-07 + T-08 + T-09 của Công ty TNHH đo đạc Đông Hải ngày 18/10/2018 (Có sơ đồ đo đạc kèm theo).

Buộc ông Nguyễn Ngọc Q tháo dỡ, di dời hàng rào lưới B40 cao 02m, dài 63,4m, diện tích  $126,8m^2$  và các trụ đá trên phần diện tích đất chia cho bà Nguyễn Thị Kim L  $1.964,3m^2$ .

Buộc những người kế thừa Q và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Ngọc T2 là bà Nguyễn Thị Thu V, anh Nguyễn Việt T, anh Nguyễn Việt H và anh Nguyễn Phạm Ngọc L phải tháo dỡ, di dời căn nhà kết cấu cột kèo gỗ tạp, nền gạch tàu, vách ván, mái lợp tole, diện tích  $56,1m^2$  ký hiệu trong sơ đồ đo đạc

công ty TNHH đo đạc Đông Hải ngày 18/10/2018 là T-06 trên phần diện tích đất chia cho bà Nguyễn Thị Kim L 1.964,3m<sup>2</sup>.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Ngô Quý D là đại diện ủy Q của bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q thống nhất giao toàn bộ cây trồng trên phần diện tích đất 1.964,3m<sup>2</sup> chia cho bà Nguyễn Thị Kim L trong thửa số 3741, tờ bản đồ số TTC1, diện tích 2.349,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại khu 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện C cấp ngày 06/02/2013 do cụ Nguyễn Văn Đ đứng tên Q sử dụng đất có ký hiệu trong sơ đồ là T-01 + T-02 + T-06 + T-07 + T-08 + T-09 của Công ty TNHH đo đạc Đông Hải ngày 18/10/2018 cho bà Nguyễn Thị Kim L được Q sở hữu gồm 45 bụi chuối loại A, 17 bụi chuối loại B, 133 bụi chuối loại C, 19 cây mít loại B2, 05 cây dừa loại A, 08 cây dừa loại C, 02 cây xoài loại B1, 04 cây sầu riêng Ri-06 loại D, 01 cây mận loại B2, 01 cây quách loại A, bà Nguyễn Thị Kim L không phải hoàn trả lại giá trị các cây trồng trên cho ông Nguyễn Ngọc Q.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Ngọc Q được Q liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm Q để cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất phần diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Ngọc Q về việc yêu cầu công nhận phân di chúc do cụ Đ lập ngày 28/6/2012 chia cho ông Q căn nhà, còn phần đất thửa số 3741, tờ bản đồ số TTC1, diện tích 2.349,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại khu 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện C cấp ngày 06/02/2013 do cụ Nguyễn Văn Đ đứng tên Q sử dụng đất yêu cầu chia cho các thành viên trong hộ gia đình, sau đó chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với phần đất của cụ Đ trong hộ cho các đồng thừa kế 08 người con của cụ Đ và yêu cầu nguyên đơn bà L giao trả lại giấy chứng nhận Q sử dụng đất của cụ Đ.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Dương Đ có đại diện theo pháp luật bà Dương Thị M về việc yêu cầu tuyên bố di chúc của cụ Đ lập ngày 28/6/2012 vô hiệu và yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật thửa đất số 3741, tờ bản đồ số TTC1, diện tích 2.349,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại khu 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện C cấp ngày 06/02/2013 do cụ Nguyễn Văn Đ đứng tên Q sử dụng đất, đối với căn nhà thì chị Đ không tranh chấp.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và Q kháng cáo của đương sự.

Ngày 10/11/2020, bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C để thu thập chứng cứ đương sự Nguyễn Thị T hiện đang sinh sống ở nước ngoài.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy Q của bị đơn là anh Ngô Quý D thay đổi 01 phần yêu cầu kháng cáo đồng ý chia di sản thừa kế là Q sử dụng đất diện tích 2.349,8m<sup>2</sup> (diện tích theo đo đạc thực tế 2264,2m<sup>2</sup>) cho bà L, bà Phụng, bà T mỗi người diện tích khoảng 400m<sup>2</sup> theo di chúc do cụ Nguyễn Văn Đ chết để lại, diện tích còn lại gắn liền với căn nhà ông Q yêu cầu được

chia cho ông Q theo sơ đồ đo đạc ngày 30/3/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đo đạc Đông Hải. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim P và bà Nguyễn Thị T đồng ý với yêu cầu của bị đơn.

Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp cho bà L, bà Phượng đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận thỏa thuận của bà L, bà P, bà T và ông Q tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tổ tụng việc tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc phân chia di sản thừa kế là chia cho bà L, bà P và bà T mỗi người diện tích 383,5m<sup>2</sup>, diện tích còn lại gắn liền với căn nhà chia cho ông Q. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q, lời trình bày của các đương sự, Luật sư và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của ông Nguyễn Ngọc Q còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Yêu cầu chia thừa kế theo di chúc, yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, chia thừa kế theo quy định pháp luật và chia tài sản chung của hộ gia đình” là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Q, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cụ Nguyễn Thị C chết năm 1965, cụ Nguyễn Văn Đ (chết năm 2016), hai cụ có 08 người con tên Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1958; Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1965; Nguyễn Thị T, sinh năm 1950; Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1959; Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1963; Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1962 (chết 2010) có vợ là Nguyễn Thị Thu V và 03 người con Nguyễn Việt T, Nguyễn Việt H Nguyễn Phạm Ngọc L; ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1955 (chết năm 2012) có 02 người con là Nguyễn Dương Đ, Nguyễn Lê Huỳnh N và ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1945 (chết năm 1988) có 01 người con là Nguyễn Thị Giáng L. Cụ Đ chết có để lại tài sản là phần đất thừa số

3741, tờ bản đồ số TTC1, diện tích 2.349,8m<sup>2</sup> và 01 ngôi nhà gắn liền với đất tọa lạc tại Khu 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện C cấp ngày 06/02/2013 cho cụ Nguyễn Văn Đ đại diện hộ gia đình đứng tên. Ngày 28/6/2012 cụ Đ có lập di chúc để lại cho ông Q ngôi nhà gắn liền với diện tích đất 400m<sup>2</sup> diện tích còn lại chia cho bà L, bà P và bà T có UBND thị trấn C chứng thực. Sau khi cụ Đ qua đời bà P có đến UBND thị trấn C công bố di chúc ngày 02/3/2017, UBND thị trấn C lập biên bản công bố di chúc trong đó có mặt ông Q cùng vợ Nguyễn Thị Kim T có ký tên vào biên bản. Nhưng sau đó ông Nguyễn Ngọc Q không đồng ý chia thừa kế theo di chúc. Bà L khởi kiện yêu cầu công nhận di chúc của cụ Nguyễn Văn Đ lập ngày 28/6/2012 đã được UBND thị trấn C chứng thực là hợp pháp và yêu cầu chia thừa kế theo di chúc, ông Q có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu công nhận ngôi nhà theo di chúc, yêu cầu chia đất cho hộ gia đình, phần đất của cụ Đ trong hộ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho 08 người con. Chị Nguyễn Dương Đ có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đ theo pháp luật.

Xét thấy nguồn gốc phân đất tranh chấp thừa số 3741, tờ bản đồ số TTC1, diện tích 2.349,8m<sup>2</sup> và 01 ngôi nhà gắn liền với đất tọa lạc Khu 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang là của cụ Đ, khi cụ Đ chết có để lại di chúc cho 04 người con có chứng thực của UBND thị trấn C. Sau khi cụ Đ chết có công bố di chúc, các con của cụ Đ và thành viên trong hộ của cụ Đ có đồng ý công bố di chúc của cụ Đ và ký tên vào biên bản xem như ông Q và bà T đã thừa nhận đây là di sản của cụ Đ không phải là tài sản của hộ gia đình. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định thừa số 3741, tờ bản đồ số TTC1, diện tích 2.349,8m<sup>2</sup> và 01 ngôi nhà gắn liền với đất tọa lạc Khu 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế của cụ Đ và công nhận di chúc cụ Đ lập ngày 28/6/2012 có UBND thị trấn C chứng thực là hợp pháp và chia thừa kế theo di chúc là có căn cứ. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Q và yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Dương Đ. Chị Đ không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Q kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C. Tại phiên tòa phúc thẩm anh D là đại diện ủy Q của ông Q thay đổi 01 phần yêu cầu kháng cáo đồng ý công nhận nhà và đất nêu trên là di sản thừa kế của cụ Đ và đồng ý chia di sản thừa kế của cụ Đ theo di chúc. Anh D cùng bà L, bà P và bà T có bản khai trình bày ý kiến thống nhất chia cho bà L, bà P và bà T mỗi người diện tích khoảng 400m<sup>2</sup>, diện tích còn lại gắn liền với ngôi nhà yêu cầu được chia cho ông Q. Xét thấy việc thỏa thuận này là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Theo biên bản đo đạc ngày 30/3/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đo đạc Đông Hải, sau khi trừ diện tích mở đường thì diện tích còn lại là 2.264,2m<sup>2</sup>, các đương sự thống nhất chia cho bà L phần đất có vị trí T-6, bà Phượng ở vị trí T-7 và bà Thu ở vị trí T-8 mỗi người có diện tích là 383,5m<sup>2</sup>, chia cho ông Q ngôi nhà gắn liền với diện tích 1113,7m<sup>2</sup> từ vị trí T-1 đến T-5.

Đối với phần đất chia cho ông Q tại vị trí T-4 có diện tích 57,6m<sup>2</sup>, những người kế thừa Q và nghĩa vụ ông Thảo là bà Phạm Thị Thu V, anh Nguyễn Việt T, Nguyễn Việt H và Nguyễn Phạm Ngọc L đang cất nhà ở Tòa án cấp sơ thẩm buộc hàng thừa kế của ông T tháo dỡ nhà trả đất cho bà L, nay là trả cho ông Q nhưng bà V, anh T, anh H, L không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Q, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

[4] Ý kiến của Luật sư bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp cho bà L, bà P đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí : Ông Q phải chịu án phí phúc thẩm và sơ thẩm theo quy định. Tòa án cấp sơ thẩm không tính tiền án phí sơ thẩm về việc chia căn nhà cho ông Q là thiếu sót, Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại án phí sơ thẩm cho phù hợp.

Bà L, bà P, bà T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do các đương sự là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 và các điều 227, 228, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 102, 627, 628, 630, 650 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật Người cao tuổi,

Xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Q. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 211/2020/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L.

Công nhận di chúc do cụ Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1926 lập được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang chứng thực số 05 quyển số 01 ngày 28/6/2012 là hợp pháp.

Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1926 là Q sử dụng đất diện tích  $2.349,8\text{m}^2$  (diện tích theo đo đạc thực tế  $2.264,2\text{m}^2$ ) thửa số 3741, tờ bản đồ số TTC1 tọa lạc tại khu 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 06/02/2013 cho cụ Nguyễn Văn Đ đứng tên Q sử dụng đất.

Công nhận thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Ngọc Q như sau:

Chia cho ông Nguyễn Ngọc Q phần diện tích đất  $1.113,7\text{m}^2$  trong thửa số 3741, tờ bản đồ số TTC1, diện tích  $2.349,8\text{m}^2$  (diện tích theo đo đạc thực tế  $2.264,2\text{m}^2$ ) tọa lạc tại khu 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 06/02/2013 cho cụ Nguyễn Văn Đ đứng tên Q sử dụng đất có ký hiệu trong sơ đồ là T-1 + T-2 + T-3 + T-4 + T-5 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đo đạc Đông Hải ngày 30/3/2021 và căn nhà trên phần đất có kết cấu móng cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch ceramic, kèo đòn tay gỗ tạp, trần laphon, mái lợp tole diện tích  $106,3\text{m}^2$ .

Phần đất chia cho ông Nguyễn Ngọc Q ở vị trí T-3 + T-4 + T-5 có tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp đất bà Phạm Thị Thu V.
- + Hướng Tây giáp đất chia cho bà Nguyễn Thị Kim L.
- + Hướng Nam giáp phần đất còn lại chia cho bà Phạm Thị Thu V.
- + Hướng Bắc giáp với đường bê tông.

Phần đất chia cho ông Nguyễn Ngọc Q ở vị trí T-1 có tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp với đường bê tông.
- + Hướng Tây giáp rạch thoát nước.
- + Hướng Nam giáp rạch thoát nước.
- + Hướng Bắc giáp với đường bê tông.

Phần đất chia cho ông Nguyễn Ngọc Q ở vị trí T-2 có tứ cận hướng Nam giáp đường nhựa.

Ghi nhận hộ ông Nguyễn Ngọc Q gồm: Ông Q, bà Nguyễn Thị Kim T, chị Nguyễn Thuỳ Huyền T, chị Nguyễn Thị Kim Q, anh Nguyễn Ngọc Phúc S chia cho bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị T mỗi người diện tích  $383,5\text{m}^2$  trong thửa số 3741, tờ bản đồ số TTC1, diện tích  $2.349,8\text{m}^2$  (diện tích theo đo đạc thực tế  $2.264,2\text{m}^2$ ) tọa lạc tại khu 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 06/02/2013 do cụ Nguyễn Văn Đ đứng tên Q sử dụng đất có ký hiệu trong sơ đồ là T-6 + T-7 + T-8 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đo đạc Đông Hải ngày 30/3/2021.

Phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Kim L diện tích  $383,5\text{m}^2$  ở vị trí T-6 có tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp đất chia cho ông Nguyễn Ngọc Q.

- + Hướng Tây giáp đất chia cho bà Nguyễn Thị Kim P.
- + Hướng Nam giáp phần đất còn lại chia cho bà Phạm Thị Thu V.
- + Hướng Bắc giáp với đường bê tông.

Phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Kim P diện tích 383,5m<sup>2</sup> ở vị trí T-7 có tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp đất chia cho bà L.
- + Hướng Tây giáp đất chia cho bà Nguyễn Thị T.
- + Hướng Nam giáp phần đất bà Phạm Thị Thu V.
- + Hướng Bắc giáp với đường bê tông.

Phần đất chia cho bà Nguyễn Thị T diện tích 383,5m<sup>2</sup> ở vị trí T-8 có tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp đất chia cho bà Nguyễn Thị Kim P.
- + Hướng Tây giáp đường bê tông và đất ông Nguyễn Ngọc T1.
- + Hướng Nam giáp phần đất bà Phạm Thị Thu V.
- + Hướng Bắc giáp với đường bê tông.

(Có sơ đồ đo đạc ngày 30/3/2021 kèm theo).

Buộc những người kế thừa Q và nghĩa vụ tổ tụng của ông Nguyễn Ngọc T là bà Phạm Thị Thu V, anh Nguyễn Việt T, anh Nguyễn Việt H và anh Nguyễn Phạm Ngọc L phải tháo dỡ, di dời căn nhà kết cấu cột kèo gỗ tạp, nền gạch tàu, vách ván, mái lợp tole, diện tích 57,6m<sup>2</sup> ký hiệu trong sơ đồ đo đạc công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc Đông Hải ngày 30/3/2021 là T-4 trên phần diện tích đất chia cho ông Nguyễn Ngọc Q 1.117,3m<sup>2</sup>.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Ngô Quý D là đại diện ủy Q của bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q thống nhất giao toàn bộ cây trồng trên phần diện tích đất 1.150,5m<sup>2</sup> chia cho bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim P và bà Nguyễn Thị T trong thửa số 3741, tờ bản đồ số TTC1, diện tích 2.349,8m<sup>2</sup> (diện tích theo đo đạc thực tế 2264,2m<sup>2</sup>) tọa lạc tại khu 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện C cấp ngày 06/02/2013 cho cụ Nguyễn Văn Đ đứng tên Q sử dụng đất có ký hiệu trong sơ đồ là T-6 + T-7 + T-8 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đo đạc Đông Hải ngày 30/3/2021 cho bà Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim P và bà Nguyễn Thị T.

Thời gian giao nhận đất khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Ngọc Q được Q liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm Q để cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất phần diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Ngọc Q về việc yêu cầu công nhận phần di chúc do cụ Đ lập ngày 28/6/2012 chia cho ông Q căn

nhà, còn phần đất thừa số 3741, tờ bản đồ số TTC1, diện tích 2.349,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại khu 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện C cấp ngày 06/02/2013 do cụ Nguyễn Văn Đ đứng tên Q sử dụng đất yêu cầu chia cho các thành viên trong hộ gia đình, sau đó chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với phần đất của cụ Đ trong hộ cho các đồng thừa kế 08 người con của cụ Đ và yêu cầu nguyên đơn bà L giao trả lại giấy chứng nhận Q sử dụng đất của cụ Đ.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Dương Đ có đại diện theo pháp luật bà Dương Thị M về việc yêu cầu tuyên bố di chúc của cụ Đ lập ngày 28/6/2012 vô hiệu và yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật thừa kế số 3741, tờ bản đồ số TTC1, diện tích 2.349,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại khu 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện C cấp ngày 06/02/2013 do cụ Nguyễn Văn Đ đứng tên Q sử dụng đất, đối với căn nhà thì chị Đ không tranh chấp.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim P và bà Nguyễn Thị T.

Bà Nguyễn Thị Kim L được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 08555 ngày 23/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ông Nguyễn Ngọc Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 19.184.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Q đã nộp 600.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 09341 ngày 15/10/2018 và biên lai thu số 0004350 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được trừ vào án phí nên ông Q còn phải nộp tiếp 18.884.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Dương Đ được nhận lại 2.625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 09335 ngày 09/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kim Em**

